

# TIỀN TỆ

## *CHƯƠNG 2*

### *TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ*

# NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

---

- Lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ
- Bản chất và chức năng của tiền tệ
- Cung cầu tiền tệ
- Lạm phát

# LỊCH SỬ RA ĐỜI CỦA TIỀN TỆ

- Sự ra đời của tiền tệ gắn liền với quá trình phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Sản xuất hàng hóa  $\Rightarrow$  trao đổi mua bán  $\Rightarrow$  cần phải có tiền.
- Sự ra đời của vật trung gian trao đổi đánh dấu giai đoạn mở đầu cho sự xuất hiện của tiền tệ đồng thời là bước chuyển hóa từ nền kinh tế đối chác sang nền kinh tế tiền tệ
- Quá trình này gắn liền với các hình thái giá trị
  - Hình thái giá trị giản đơn ( $H_1 - H_2$ )
  - Hình thái giá trị mở rộng ( $H_1 - H_2$ )
  - Hình thái giá trị chung ( $H_1 - H_{TG} - H_2$ )
  - Hình thái giá trị tiền tệ ( $H_1 - T - H_2$ )

# PHÁT TRIỂN CỦA TIỀN TỆ

- Tiền tệ dưới dạng hàng hóa - hóa tệ không kim loại
- Tiền tệ kim loại
- Tiền giấy - Tiền tín dụng
  - Tiền giấy có thể chuyển đổi ra vàng
  - Tiền giấy không thể chuyển đổi ra vàng
- Các hình thức khác của tiền tệ
  - Tiền qua ngân hàng (Bút tệ)
  - Tiền điện tử

Lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ luôn mang dấu ấn của nền văn minh nhân loại. Điều này đã được minh chứng qua quá trình hoàn thiện các hình thức tiền tệ, từ hình thức sơ khai ban đầu là hóa tệ không kim loại cho đến tiền điện tử ngày nay

# BẢN CHẤT CỦA TIỀN TỆ

*Tiền tệ đã tồn tại dưới nhiều hình thái*

- *Quan điểm của K.Marx (1818 – 1883):* tiền tệ có nguồn gốc từ hàng hóa, từ thế giới hàng hóa tách ra. Vàng chỉ trở thành tiền tệ trong những điều kiện lịch sử nhất định trước khi là tiền tệ và sau khi được thừa nhận đóng vai trò là tiền tệ thì vàng vẫn giữ nguyên bản chất là hàng hóa.

# BẢN CHẤT CỦA TIỀN TỆ

- Quan điểm của Friedman (giải nobel 1970) định nghĩa tiền tệ như là tất cả những gì được chấp nhận thanh toán cho việc mua bán hàng hóa, dịch vụ hoặc thanh toán nợ.
- Quan điểm của P.A Samuelson đã viết: “Bản chất của tiền tệ ngày nay đã được phơi bày rõ ràng, người ta muốn có tiền tệ với danh nghĩa là tiền chứ không phải là hàng hóa, không phải vì bản thân nó mà vì những thứ mà dùng nó sẽ mua được”... “Bản chất của tiền tệ là để dùng làm phương tiện trao đổi.

Tiền tệ là một phương tiện trao đổi được luật pháp thừa nhận và người sở hữu nó sử dụng để phục vụ cho những nhu cầu trong đời sống kinh tế xã hội.

# BẢN CHẤT CỦA TIỀN TỆ

- Phân biệt tiền tệ (money) và tiền đồng (currency)
  - Tiền đồng bao gồm tiền giấy và tiền kim loại của một quốc gia.
  - Các giấy tờ có giá được xem như tiền khi nó có thể chuyển thành tiền giấy và tiền kim loại.
- Tiền và của cải (wealth)
  - Tiền – đồng tiền
  - Của cải biểu hiện sự giàu có gồm tiền, nhà cửa, xe hơi...  
→ Tiền và của cải đáp ứng nhu cầu cất trữ giá trị
- Tiền và thu nhập (income)
  - Thu nhập phản ánh dòng tiền kiếm được trong một đơn vị thời gian.
  - Tiền phản ánh lượng giá trị tồn trữ hiện có.

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

- Chế độ tiền tệ là hình thức tổ chức lưu thông tiền tệ của một quốc gia được quy định bằng luật pháp. Chế độ tiền tệ hình thành kể từ khi có sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực tiền tệ.
- Chế độ tiền tệ bao gồm các quy định:
  - Bản vị tiền tệ: cơ sở định giá đồng tiền của quốc gia hay chọn vật ngang giá chung.
  - Đơn vị tiền tệ: tên gọi của đồng tiền
  - Quy định về sử dụng phương tiện thanh toán



# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

## Chế độ bản vị song song

---

- Đồng tiền của một quốc gia được quy định bằng một trọng lượng cố định của hai kim loại là *vàng và bạc*. Aùp dụng phổ biến đầu thế kỷ 19 ở Pháp, Thụy Sĩ, Mỹ và Ý.
- Ví dụ: ở Mỹ năm 1792, 1 dollar vàng = 1,603 gram vàng; 1 dollar bạc = 24,06 gram bạc.
- Ở Mỹ từ năm 1792 đến 1834, vàng rút khỏi lưu thông. Nhưng từ năm 1834 đến 1893, bạc rút khỏi lưu thông mà chỉ còn vàng.

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

Chế độ bản vị vàng từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20

- Đồng tiền của quốc gia được quy định bằng giá vàng → tiền giấy của quốc gia được bảo đảm bằng vàng.
- Nhà nước không hạn chế đúc vàng.
- Tiền vàng tự do lưu thông.
  - chế độ bản vị vàng là chế độ tiền tệ đặc trưng của nền kinh tế thị trường trong giai đoạn tự do cạnh tranh

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

## Chế độ tiền giấy

- Tiền giấy là tiền dấu hiệu (đại diện giá trị)
- Tiền giấy xuất hiện từ nhu cầu trao đổi và lưu thông hàng hóa.
- Tiền giấy khả hoán:
  - Chế độ bản vị bảng Anh
  - Chế độ bản vị đô la Mỹ
- Tiền giấy bất khả hoán gắn liền với tiền pháp định

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

## Chế độ bảng vị bảng Anh

- Sau chiến tranh thế giới lần thứ 1 , tại hội nghị Geneve, các nước trong hệ thống TBCN nhất trí sử dụng bảng Anh làm đồng tiền thanh toán và dự trữ quốc gia.
- Đồng bảng Anh được đảm bảo bằng vàng.
- Đồng tiền các nước phát hành và lưu thông ngoài việc đảm bảo bằng vàng còn có thể dựa vào bảng Anh.
- => Chế độ bản vị bảng Anh được xem như là chế độ bản vị vàng bị cắt xén ( vàng thối)
  - Ở Anh, 1925 một thỏi vàng = 1.500 bảng Anh
  - Ở Pháp, 1928 một thỏi vàng = 225.000 Francs.

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

## Chế độ bản vị bảng Anh

- Trong chế độ bản vị bảng Anh, đồng USD được xem là đồng tiền có vị trí số 2.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929-1933 làm phá sản chế độ bản vị bảng Anh và USD.
  - Ngày 21/9/1931: chính phủ Anh tuyên bố đình chỉ đổi đồng bảng Anh giấy ra vàng và phá giá đồng bảng Anh 31% so với đồng USD.
  - Ngày 30/1/1934 : chính phủ Mỹ phá giá đồng USD 41%.

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

Chế độ bản vị USD sau chiến tranh thế giới lần 2

- Chế độ tiền tệ được áp dụng phổ biến trong giai đoạn 1944-1971 dưới tên gọi là chế độ bản vị USD.
  - Đồng USD là đồng tiền thanh toán quốc tế.
  - Đồng USD được đảm bảo bằng vàng, đổi ra vàng (1USD= 0,888671 gram vàng); 35 USD = 1 ounce vàng (28.3495231 gram).
  - Các nước thành viên trong IMF phải duy trì một tỷ giá cố định với đồng USD (+/- 1%).
- Ngày 12/12/1973, chính phủ Mỹ chính thức tuyên bố phá sản chế độ tiền tệ USD sau nhiều biến cố.

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

## Chế độ tiền giấy bất khả hoán

- Vàng rút khỏi quá trình lưu thông => trên thị trường chủ yếu lưu thông các loại tiền giấy.
- Giá trị thực của tiền giấy phụ thuộc vào sức mua thực tế của nó – khối lượng hàng hóa.
- Phát hành tiền giấy dựa vào các mục tiêu của chính sách tiền tệ của ngân hàng trung Ương.

# CHẾ ĐỘ TIỀN TỆ

## Tham khảo lịch sử tiền tệ Việt Nam

---

- Thái Bình Hưng Bảo ấn hành vào năm 968, nhà Đinh.
- Tiền giấy Nhà Hồ xuất hiện cách đây trên 600 năm.
- Đời Nhà Mạc Đăng Dung đúc tiền sắt Đại Chính Thông Bảo.
- Năm 1512, Trần Cao nổi binh chiếm đóng Đông Đô 4 ngày đúc tiền Thiên Ứng Thông Bảo.
- Năm 1858, Pháp xâm chiếm Việt Nam, 1875 cho ra đời tiền Đông Dương.
- Năm 1946, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh Tiền tài chính.
- Năm 1951, NHNN ra đời và in đồng tiền NH.
- Năm 1958, miền Bắc đổi tiền, đồng tiền ổn định đến năm 1978.



# CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ

---

*Theo quan điểm của K.Marx tiền tệ có các chức năng cơ bản sau:*

- Chức năng thước đo giá trị
- Chức năng phương tiện lưu thông
- Chức năng phương tiện thanh toán.
- Chức năng phương tiện cất trữ
- Chức năng tiền tệ thế giới

# CHỨC NĂNG THƯỚC ĐO GIÁ TRỊ

- Chức năng này tiền tệ đã trở thành thước đo chung để biểu thị và so sánh giá cả của tất cả hàng hóa, từ đó làm cho đời sống kinh tế được đơn giản hóa rất nhiều.
  - **Đặc điểm khi tiền thực hiện chức năng thước đo giá trị**
    - Phải có tiêu chuẩn giá cả: là những quy ước chung thống nhất.
    - Thao tác đo lường giá trị hàng hoá diễn ra hoàn toàn trong ý niệm.
    - Bản thân tiền tệ phải có giá trị, giá trị hay sức mua của tiền tệ phải ổn định.

# CHỨC NĂNG THƯỚC ĐO GIÁ TRỊ

---

- Thông qua tiền doanh nghiệp có thể tính toán chi phí, giá thành sản phẩm → xác định giá cả hàng hóa.
- Trên gốc độ kinh tế vĩ mô, tiền là công cụ tính toán giá trị GDP, GNP.

→ Trong nền kinh tế tiền là thước đo quan trọng.

# CHỨC NĂNG PHƯƠNG TIỆN TRAO ĐỔI

- *Là chức năng cơ bản của tiền tệ nó không chỉ giúp chúng ta phân biệt giữa tiền với những dạng tài sản khác như chứng khoán, bất động sản... mà còn biểu hiện một trạng thái động của tiền tệ khi bộc lộ bản chất kinh tế vốn có.*

## H - T - H'

- Với chức năng tiền tệ phải
  - Sự có mặt của tiền trong những quan hệ mua bán trả tiền ngay.
  - Sự vận động song song và ngược chiều giữa tiền tệ và hàng hóa.
  - Các hình thái tiền tệ phải đa dạng, đảm bảo sự thuận lợi trong các quan hệ mua bán cụ thể.

# CHỨC NĂNG PHƯƠNG TIỆN TRAO ĐỔI

- Tiền là phương tiện trao đổi có thể là tiền vàng, tiền giấy và các phương tiện chuyển tải giá trị khác có thể đổi được ra tiền.
- Thực hiện chức năng này khi đưa tiền vào lưu thông, cần tôn trọng quy luật lưu thông tiền tệ của Mác.

$$M = \frac{P X Q}{V}$$

# CHỨC NĂNG PHƯƠNG TIỆN TÍCH LŨY

*Tích lũy để đề phòng rủi ro trong tương lai hoặc tích lũy để mua sắm, nghĩa là ta muốn chuyển nhu cầu tiêu dùng từ thời điểm này sang thời điểm khác.*

- Tiền tạm thời tách khỏi lưu thông trở về trạng thái đứng yên tích lũy và lưu giữ giá trị theo thời gian để sau đó thực hiện các khoản chi dùng tiếp theo.
- Các loại tài sản khác cất trữ theo thời gian có thể làm tăng giá trị, còn tiền thì không. Thực hiện tốt chức năng này chỉ có tiền vàng, tuy nhiên các hình thái tiền tệ hiện nay vẫn thực hiện được, nhưng thời gian không dài.
- Nhưng tại các chủ thể kinh tế thích giữ tiền do tính thanh khoản.

# CHỨC NĂNG PHƯƠNG TIỆN TÍCH LŨY

- Cất trữ của tiền tùy thuộc vào giá cả.
- Mức giá cao, lạm phát làm cho giá trị cất trữ hay sức mua của đồng tiền giảm.
  - Giá cả tăng 50%, đồng tiền giảm giá 50%
- Bài tập:
  - Các diễn tả sau đây, nội dung nào có liên quan đến tiền:
    - Tuần vừa rồi bạn kiếm được bao nhiêu tiền.
    - Khi đến cửa hàng, tôi phải luôn luôn chắc chắn là tôi phải có tiền.

# Bài tập

---

- Các nhà kinh tế miêu tả rằng trong suốt thời kỳ kinh tế xảy ra siêu lạm phát tiền như là củ khoai nóng mà mọi người chuyển nhanh từ tay người này sang tay người khác. Giải thích?
- Ở Brazil, trước năm 1994 trải qua năm lạm phát cao, nhiều giao dịch kinh doanh thực hiện bằng đồng USD hơn là đồng Real. Tại sao?
- Giữa hai phương tiện thanh toán tiền mặt và thẻ ATM bạn thích phương tiện nào, giải thích?



# CUNG CẦU TIỀN TỆ

---

- **Lý thuyết về cầu tiền tệ**
- **Các khối tiền trong nền kinh tế**
- **Chủ thể cung tiền**

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

Tiền tệ là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hóa, như vậy, còn sản xuất hàng hóa thì nhu cầu về tiền tệ còn là sự cần thiết mang tính chất khách quan

- Thành phần cầu tiền bao gồm:
  - Cầu đầu tư (mua sắm tài sản...)
    - Chính phủ
    - Doanh nghiệp
    - Cá nhân và hộ gia đình
  - Cầu tiêu dùng
    - Chính phủ
    - Doanh nghiệp
    - Cá nhân và hộ gia đình

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

- Đầu tư? Đó là các doanh nghiệp muốn mở rộng qui mô sản xuất, muốn sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi. Đó là các cá nhân muốn kiếm lợi nhuận từ đồng tiền tiết kiệm của mình.
- Tiêu dùng vào những mục đích nào? Các doanh nghiệp, cá nhân cần tiền để phục vụ cho các giao dịch của mình như mua sắm hàng hóa – dịch vụ, thanh toán công nợ, nộp thuế hoặc giành một phần thu nhập bằng tiền cho mục đích dự phòng những rủi ro, những tổn thất có thể gặp phải trong sản xuất và đời sống... chính phủ muốn thực hiện các chương trình cải cách kinh tế hay thực hiện các chính sách xã hội

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

---

- Nhu cầu về tiền tệ để phục vụ cho đầu tư sẽ phụ thuộc vào hai nhân tố:
  - Lãi suất tín dụng ngân hàng
  - Mức lợi nhuận từ những hoạt động đầu tư như sản xuất, kinh doanh.
  - Dân số

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

---

- *Nhu cầu về tiền* giành cho tiêu dùng sẽ phụ thuộc vào nhân tố :
  - Mức thu nhập
  - Giá trị của những hoạt động giao dịch
  - Lãi suất tín dụng
  - Cơ cấu dân số và văn hoá

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## K.Marx

- Quy luật lưu thông tiền tệ K.Marx:

$$M_d = \frac{H}{V}$$

- $M_s$ : khối lượng tiền cần thiết trong lưu thông
- H: tổng giá cả hàng hóa
- V: tốc độ vòng quay tiền tệ

- M: lượng tiền thực tế trong lưu thông

- $M_d < M_s$  : thừa tiền → lạm phát

- 12/03/16 ■  $M_d > M_s$  : thiếu tiền → giảm phát

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Thuyết số lượng tiền tệ của Fisher 1887-1947

---

### ■ $M.V = P.Y$

- M: khối lượng tiền trong lưu thông
- P: giá cả hàng hóa
- Y: khối lượng hàng hóa

→  $M.V = \text{GDP}$

- V: tốc độ vòng đồng tiền

- Phương trình trên gọi là phương trình trao đổi nghĩa là số lượng tiền tệ *nhân với* số lần mà lượng tiền chi tiêu trong một năm *bằng* số thu nhập danh nghĩa (P.Y)

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Thuyết số lượng tiền tệ của Fisher 1887-1947

- P.Y: là thu nhập danh nghĩa được quyết định bởi M.
  - Nghĩa là giá cả hàng hóa biến động tùy thuộc vào lượng cung tiền M.
- Fisher cho rằng V trong ngắn hạn là không thay đổi.
  - Từ đó có thể chuyển đổi phương trình trao đổi thành *lý thuyết số lượng tiền tệ*.
  - Ví dụ:  $V = 5$ ; PY là 10 tỷ đồng thì  $M = 2$  tỷ đồng
- Lý thuyết số lượng tiền tệ cho rằng:
  - Nếu gấp đôi M thì P cũng gấp đôi trong ngắn hạn vì V và Y không thay đổi.
  - Những thay đổi mức giá kết quả duy nhất là từ thay đổi số lượng tiền tệ.



# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Thuyết số lượng tiền tệ của Fisher 1887-1947

- Có thể viết lại phương trình trao đổi:

$$M = \frac{P.Y}{V}$$

- Khi thị trường tiền tệ cân bằng thì số lượng tiền tệ mà công chúng nắm giữ bằng với số lượng cầu tiền tệ  $M_d$ . Gọi  $K = 1/V$ , khi đó phương trình có thể viết lại:

- $M = K.PY$

- Do  $K$  là không đổi, nên cầu tiền là hàm số của thu nhập danh nghĩa  $PY$ . Lãi suất không ảnh hưởng đến cầu tiền tệ.
- Theo Fisher, công chúng nắm giữ tiền là để giao dịch và cầu tiền phụ thuộc vào:
  - Nhu cầu giao dịch  $PY$
  - Cách thức điều hành của các định chế tác động đến giao dịch, từ đó quyết định đến  $V$  và  $K$

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Cambridge – Marsall & Pigou

---

- Khác với Fisher, Cambridge cho rằng công chúng rất linh hoạt trong việc nắm giữ tiền tệ và không phụ thuộc hoàn toàn vào các định chế.
- Công chúng cần tiền để trao đổi và cất trữ giá trị. Tiền là một tài sản và cầu tiền phụ thuộc vào:
  - Mức độ giao dịch của công chúng
  - Mức độ giàu có của công chúng
- Không thể thay đổi trong ngắn hạn. Sự cất trữ phụ thuộc vào lợi tức kỳ vọng của các tài sản có chức năng cất trữ giá trị.

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

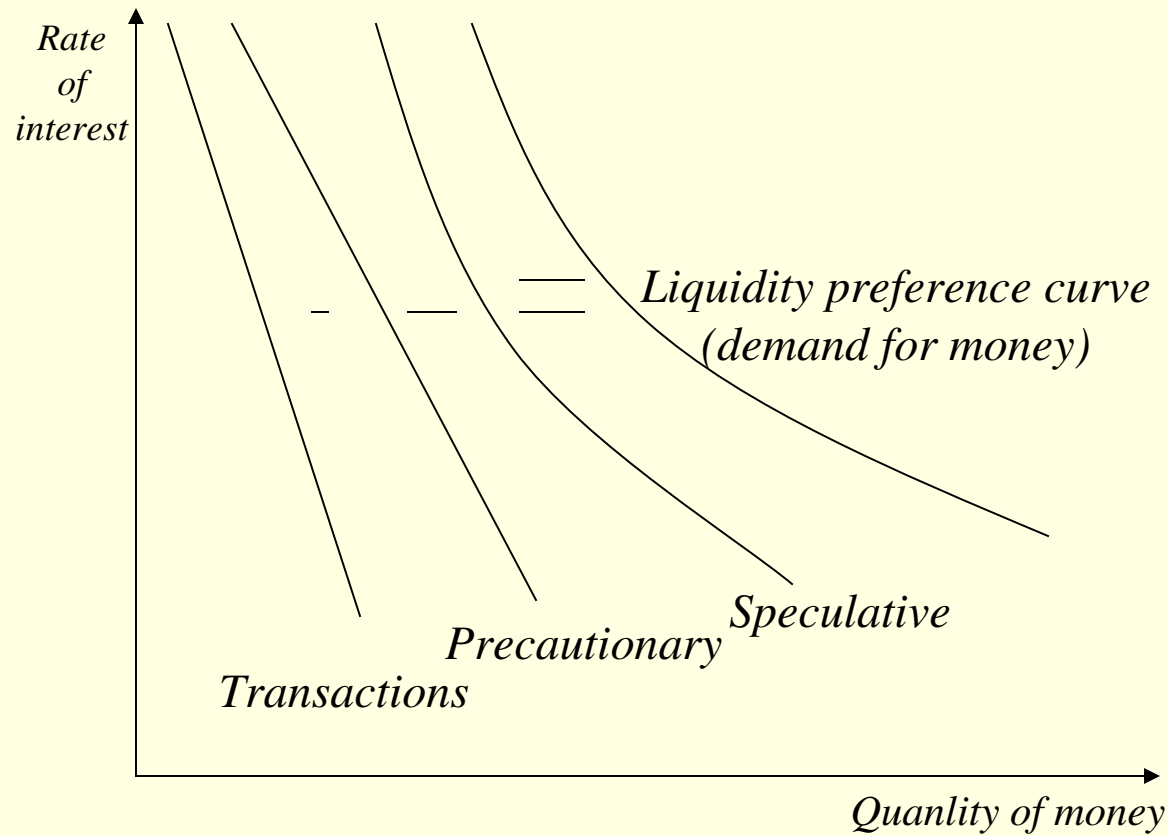
## Keynes 1884 - 1946

---

- Thuyết ưu thích thanh khoản của Keynes
  - *Sự ưu thích tiền mặt xuất phát từ:*
    - Động cơ giao dịch (Transaction motive)
      - Tiền là phương tiện lưu thông trao đổi có tính thanh khoản cao
    - Động cơ dự phòng (Precautionary motive)
      - Tiền là phương tiện đáp ứng các nhu không mong đợi
    - Động cơ đầu cơ (Speculative motive)
      - Tiền và trái phiếu. Công chúng chọn tiền hay trái phiếu?
      - Cầu tiền quan hệ nghịch với lãi suất

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Keynes 1884 - 1946



# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Keyness 1884 - 1946

- Keynes phân biệt số lượng tiền danh nghĩa (nominal) và số lượng tiền thực (real).
- Công chúng muốn nắm giữ khối lượng tiền thực. Ba động cơ giữ tiền có quan hệ với  $Y$  và lãi suất.
- Cầu tiền tệ được biết như một hàm số “ sở thích tính lỏng”. Cầu tiền thực  $M/p$  có liên quan đến  $Y$  và  $i$ :

$$\frac{M^d}{P} = f(i, y)$$

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Keyness 1884 - 1946

- Nghịch đảo công thức trên.

$$\frac{P}{M^d} = \frac{I}{f(i, Y)}$$

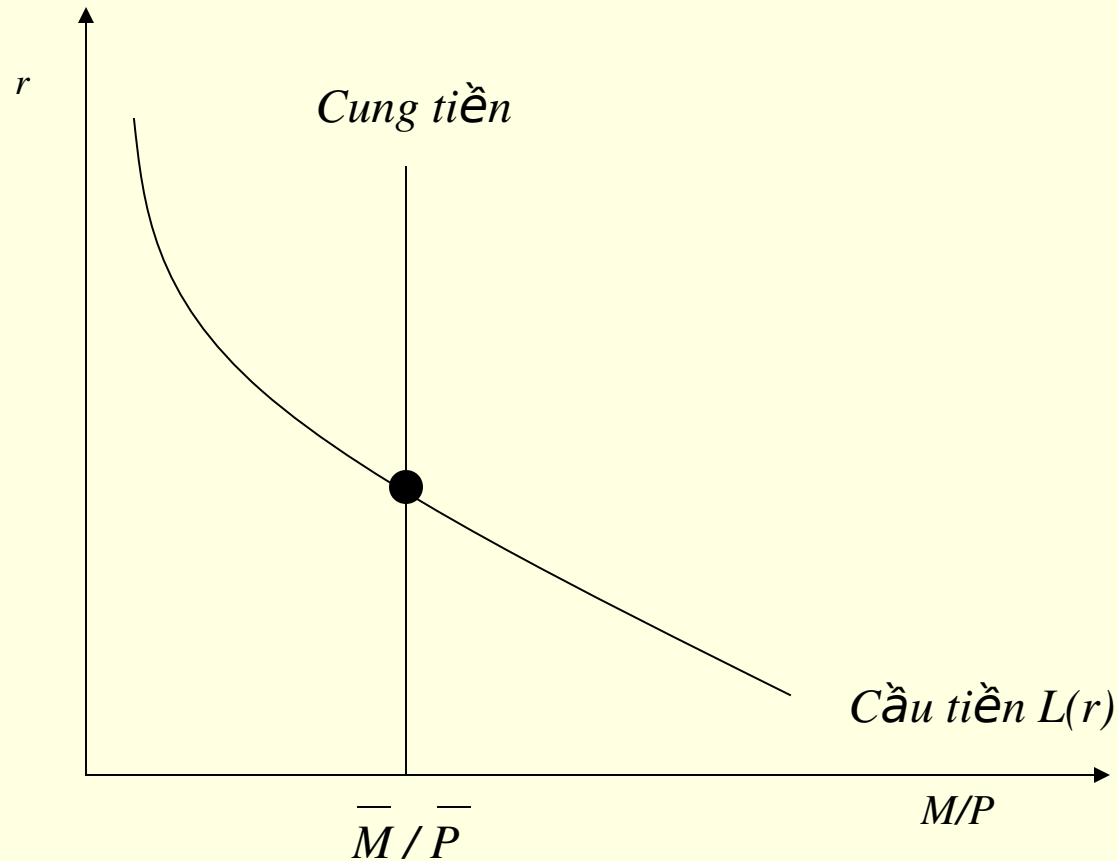
- Chia hai vế cho  $Y$  ta có

$$V = \frac{PY}{M^d} = \frac{Y}{f(i, Y)}$$

- Keynes cho rằng  $v$  biến đổi. Khi  $I$  tăng thì  $f(i, Y)$  giảm vì thế  $\rightarrow v$  gia tăng

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Keynes 1884 - 1946



# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

Thuyết số lượng tiền tệ của Milton\_Friedman(1950s)

- Nhu cầu tiền mặt là hàm số với nhiều biến số, trong đó có thu nhập, giá cả, lãi suất, cơ cấu tài sản và sự ưa thích của cá nhân.

$$\frac{M^d}{P} = f \left( Y_p, r_h - r_m, r_e - r_m, \pi - r_m \right)$$

+      -      -      +      -

- Trong đó:  $M^d/P$  cầu tiền thực;  $Y_p$ : của cải;  $r_m$  : tiền lời kỳ vọng của tiền tệ;  $r_h$ : tiền lời kỳ vọng của trái phiếu;  $r_e$ : tiền lời kỳ vọng của cổ phiếu;  $\pi$ : tỷ lệ lạm phát kỳ vọng



# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

## Thuyết số lượng tiền tệ của Milton\_Friedman(1950s)

- Sự khác nhau giữa Keynes và Friedman
  - Friedman cho rằng:
    - Có nhiều tài sản có thể thay thế cho tiền, tách trái phiếu ra khỏi cỗ phiếu. Chúng có mức tiền lời khác nhau.
    - Tiền và hàng hóa có thể thay thế nhau tùy theo tỷ suất tiền lời của chúng.
    - Tiền lời của tiền không cố định. Sự thay đổi tiền lời của tiền tệ kéo theo sự thay đổi tiền của trái phiếu và cỗ phiếu.
  - Nếu Keynes cho rằng lãi suất ảnh hưởng quan trọng đến cầu tiền tệ thì Friedman cho rằng cầu tiền tệ ít bị ảnh hưởng bởi lãi suất và tính Ổn định

# LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

Thuyết số lượng tiền tệ của Milton\_Friedman(1950s)

- Từ đó hàm cầu tiền tệ của Friedman có thể viết thành:

$$\frac{M}{P \cdot Y} = f(Y_p)$$
$$V = \frac{M}{P \cdot Y} = f(Y_p)$$

- → khác với Keynes, Friedman cho rằng cầu tiền tệ chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập.

# CÁC KHỐI TIỀN TRONG LƯU THÔNG

---

- Các loại tiền tệ trong nền kinh tế hiện đại
- Phép đo tổng lượng tiền trong nền kinh tế hiện đại
- Các chủ thể cung ứng tiền cho nền kinh tế

# CÁC LOẠI TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ HIỆN ĐẠI

## ■ Tiền có quyền lực cao

- *Tiền pháp định*: các loại tiền này được nhà nước thống nhất phát hành và cho phép lưu thông với mệnh giá được in trên đồng tiền theo luật định.
- *Tiền gửi không kỳ hạn hay các khoản tiền gửi trên các tài khoản thanh toán tại các ngân hàng*: có quyền lực cao nhưng tính lỏng thấp hơn so với tiền pháp định vì phải thông qua một số thủ tục thanh toán theo quy định khi thực hiện giao dịch.

# CÁC LOẠI TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ HIỆN ĐẠI

## ■ Các loại tiền tài sản

- Các loại tiền gửi có kỳ hạn, đem lại mức sinh lợi khá ổn định cho người sở hữu.
- Tài khoản tiền gửi ở thị trường tiền tệ.
- Các chứng từ nợ ngắn hạn, trung hạn được mua bán trên thị trường tiền tệ.
- Các loại tiền tài sản khác

# PHÉP ĐO TỔNG LƯỢNG TIỀN TRONG NỀN KINH TẾ HIỆN ĐẠI

*Ngân hàng trung ương mỗi nước, chịu trách nhiệm chính trong xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ là phải biết một cách chính xác các thành phần của lượng tiền cung ứng vào lưu thông sẽ bao gồm các bộ phận nào để có thể dự báo được những biến động kinh tế cũng như có những biện pháp điều chỉnh hợp lý.*

- Ở các nước phát triển phép đo tổng lượng tiền được ngân hàng trung ương công bố thông thường gồm 3 khối tiền chính đó là:
  - **Khối M1:** là tiền giao dịch
  - **Khối M2:** là tiền tệ tài sản, gồm: M1; các loại tiền gửi có kỳ hạn loại nhỏ; tiền gửi tiết kiệm; các chứng từ nợ ngắn hạn; tiền gửi thị trường tiền tệ ngắn hạn...
  - **Khối M3** bao gồm: M2; các loại tiền gửi có kỳ hạn loại lớn; các chứng từ nợ, tiền gửi thị trường tiền tệ dài hạn.

# CÁC CHỦ THỂ CUNG ỨNG TIỀN CHO NỀN KINH TẾ

---

Các chủ thể cung tiền gồm

- Ngân hàng trung Ương
- Các ngân hàng thương mại
- Các chủ thể khác

# NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

---

- Phát hành qua kênh ngân sách nhà nước.
- Phát hành qua kênh tín dụng
- Phát hành qua thị trường mở
- Phát hành qua thị trường vàng và ngoại tệ



# NGÂN HÀNG TRUNG GIAN

Các ngân hàng trung gian cung ứng cho nền kinh tế loại *bút tẻ* thông qua *cơ chế tín dụng tạo tiền*.

- Trong điều kiện lý tưởng, công thức tính số tiền gửi mở rộng mà cả hệ thống ngân hàng tạo ra như sau:

$$\text{Số tiền gửi mở rộng} = \text{Số tiền gửi ban đầu} \times \text{Hệ số tạo tiền}$$

$$\text{Trong đó: Hệ số tạo tiền} = \frac{1}{\text{Tỷ lệ DTBB}}$$

# NGÂN HÀNG TRUNG GIAN

## Bảng tóm tắt quá trình tạo tiền của các ngân hàng trung gian

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc: 10% (Đơn vị tính: đồng)

Teân ngaân haøng	Soá tieàn gôùi nhaän ñöôïc	Soá tieàn döï tröõ baét buôc	Soá tieàn coù theå cho vay ra toái ñã
A	1.000	100	900
B	900	90	810
C	810	81	729
...	...	...	...
Toång coäng	10.000	1.000	9.000

# Chủ thể cung tiền

---

- Các chủ thể khác cung ứng tiền tài sản, bao gồm:
  - Doanh nghiệp
  - Các định chế tài chính ngân hàng
  - Kho bạc nhà nước
  - Ngân hàng trung ương các nước
  - ....

# Bài tập

1. Hãy tính GDP danh nghĩa nếu như  $v = 5$  và cung tiền tệ gia tăng từ 200 tỷ USD đến 300 tỷ USD.
2. Đối với các loại tài sản dưới đây, cho biết loại nào thuộc  $M_1$ ,  $M_2$ ,  $M_3$ ...
  - Tiền
  - Quỹ hỗ trợ thị trường tiền tệ
  - Eurodollars
  - Tiền gửi có kỳ hạn ngắn
  - Hợp đồng mua bán lại có mệnh giá lớn
  - Tiền gửi không kỳ hạn

# Bài tập

3. Cung tiền tệ  $M$  tăng lên 10%/năm và PY danh nghĩa tăng lên 20%/ năm. Dữ liệu sau:

	2001	2002	2003
$M$	100	?	?
PY	1.000	?	?

Hãy tính  $v$  mỗi năm

4. Điều gì xảy ra đối với GDP nếu như cung tiền tệ tăng lên 20% như  $v$  giảm xuống 30%.

5. Tại sao quan điểm của Friedman về cầu tiền tệ cho rằng  $v$  có thể tiên đoán được, trong khi đó quan điểm của Keynes cho rằng  $v$  không tiên đoán được.

# LẠM PHÁT

- KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI LẠM PHÁT
- NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN LẠM PHÁT
- TÁC ĐỘNG CỦA LẠM PHÁT
- NHỮNG BIỆN PHÁP KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

# KHÁI NIỆM & PHÂN LOẠI LẠM PHÁT

- *Lạm phát là một phạm trù kinh tế khách quan phát sinh từ chế độ lưu thông tiền giấy. là hiện tượng tiền trong lưu thông vượt quá nhu cầu cần thiết làm cho chúng bị mất giá, giá cả của hầu hết các loại hàng hoá tăng lên đồng loạt.*
- Lạm phát có những đặc trưng đó là:
  - Hiện tượng gia tăng quá mức của lượng tiền có trong lưu thông dẫn đến đồng tiền bị mất giá.
  - Mức giá cả chung tăng lên.

# ( tiếp theo)

## ■ Phân loại lạm phát:

- **Lạm phát vừa phải:** Loại lạm phát này xảy ra khi giá cả hàng hoá tăng chậm ở mức độ một con số hàng năm ( dưới 10% một năm)
- - **Lạm phát cao:** Loại lạm phát này xảy ra khi giá cả hàng hoá tăng ở mức độ 2 con số hàng năm (từ 10% - 100% một năm).
- **Siêu lạm phát:** Loại lạm phát này xảy ra khi giá cả hàng hoá tăng ở mức độ 3 con số hàng năm trở lên.



( tiếp theo)

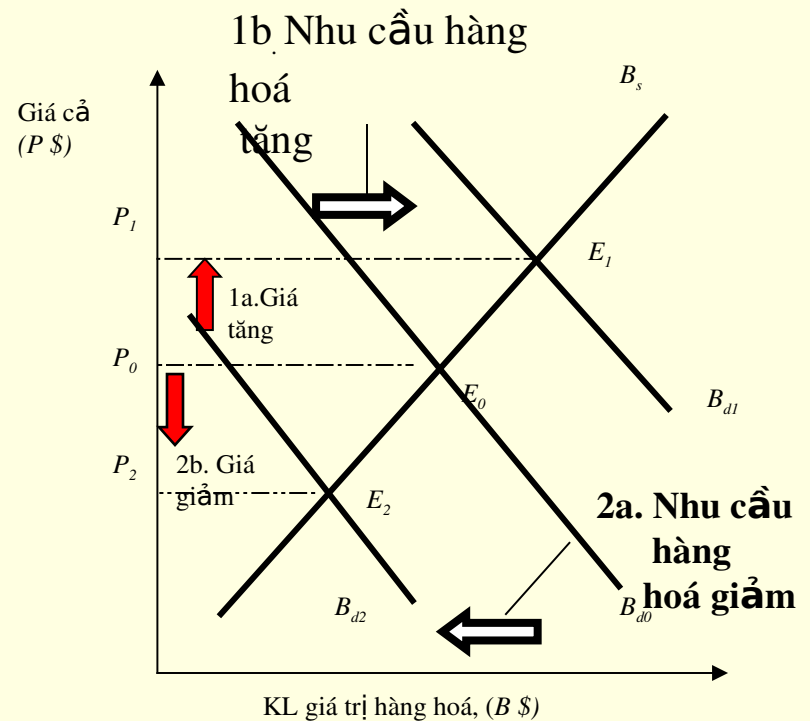
■ **Diễn biến lạm phát:**

- **Giai đoạn 1:** Ở giai đoạn này tỷ lệ tăng giá nhỏ hơn tỷ lệ tăng trưởng tiền tệ. Một bộ phận của khối tiền gia tăng về cơ bản đáp ứng nhu cầu lưu thông tiền tệ của nền kinh tế.
- **Giai đoạn 2:** Ở giai đoạn này tỷ lệ tăng giá lớn hơn tỷ lệ tăng trưởng tiền tệ do lạm phát với tỷ lệ cao kéo dài đã làm cho kinh tế suy thoái, làm cho khối lượng tiền phát hành vượt mức khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông

# NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN LẠM PHÁT

## ■ Lạm phát do cầu kéo

Khi nền kinh tế đạt tới hay vượt quá sản lượng tiềm năng, việc tăng tổng mức cầu dẫn tới lạm phát được gọi là lạm phát do cầu kéo hay lạm phát nhu cầu.

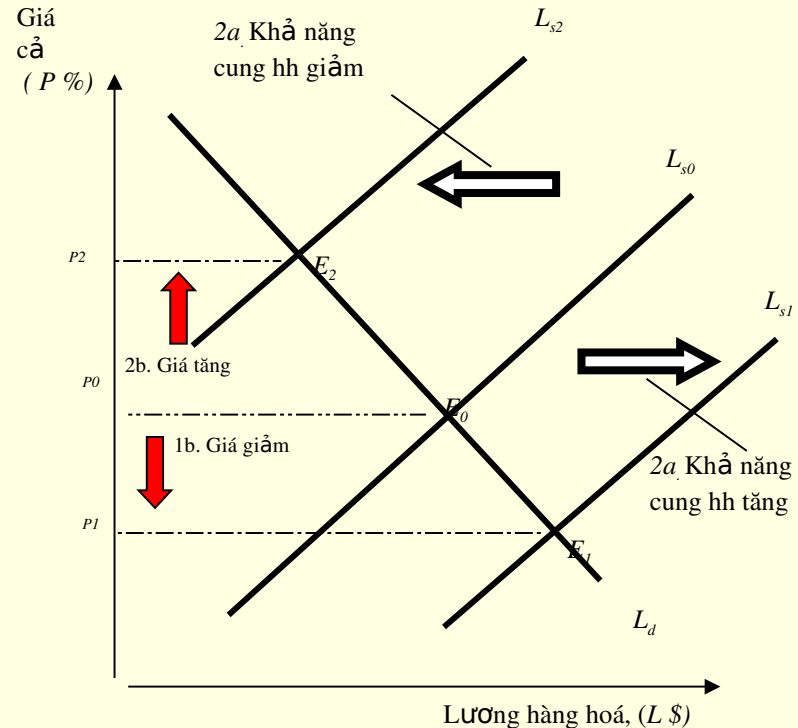


# LẠM PHÁT DO CHI PHÍ ĐẨY

- Khi chi phí sản xuất kinh doanh tăng sẽ đẩy giá cả tăng lên ngay cả khi các yếu tố sản xuất chưa được sử dụng đầy đủ, chúng ta gọi đó là lạm phát do chi phí đẩy:
  - Tiền lương tăng lên là một nguyên nhân đẩy chi phí tăng lên.
  - Khủng hoảng về nhiên liệu, nguyên vật liệu cơ bản như dầu mỏ, sắt thép... cũng làm cho giá cả.

# LẠM PHÁT DO NHỮNG NGUYÊN NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN SỰ THIẾU HỤT MỨC CUNG

- Khi nền kinh tế đạt đến mức toàn dụng, mức cung hàng hoá và dịch vụ trên thị trường có khuynh hướng giảm dần, không đáp tốt nhu cầu tăng lên của thị trường, làm cho giá cả tăng lên



# TÁC ĐỘNG CỦA LẠM PHÁT

- **Tác động phân phối lại thu nhập và của cải:** Khi lạm phát xảy ra, những người có tài sản, những người đang vay nợ là có lợi vì giá cả các loại tài sản nói chung đều tăng lên, còn giá trị đồng tiền thì giảm xuống, ngược lại.
- **Tác động đến phát triển kinh tế và việc làm:** điều kiện nền kinh tế chưa đạt đến mức toàn dụng lạm phát tăng lên thì thất nghiệp giảm xuống và ngược lại.
- **Các tác động khác:**
  - cơ cấu nền kinh tế dễ bị mất cân đối
  - tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa thường
  - lưu thông càng thêm rối loạn
  - làm tăng tỷ giá hối đoái

# NHỮNG BIỆN PHÁP KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

## ■ Những biện pháp cấp bách:

- Biện pháp về chính sách tài khóa
- Biện pháp thắt chặt tiền tệ
- Biện pháp kiểm chế giá cả
- Biện pháp đóng băng lương và đóng băng giá
- Biện pháp cải cách tiền tệ

## ■ Những biện pháp chiến lược:

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đúng đắn
- Soát xét thường xuyên chính sách thu chi của nhà nước
- Thực hiện chiến lược thị trường cạnh tranh hoàn toàn
- Dùng lạm phát để chống lạm phát